

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

V/v: *Ly hôn tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Lý Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc *Ly hôn tranh chấp về nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Th B, xã M T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Th B, xã M T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L, có mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2022, cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Vũ Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th T (nay là M T), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh B luôn chơi bời cờ bạc,

không tu chí làm ăn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh B vẫn không sửa chữa nên dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đầu năm 2022 chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B, nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M T (trước đây là xã Thiệu Tâm), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay, trước đây anh B có ham chơi cờ bạc nhưng hiện nay anh đã tu chí làm ăn, cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra cho đến thời điểm dịch Covid anh B cách ly tại nhà, vợ con sang bà ngoại ở đến giờ không về nhà và đi ly hôn. Anh B không cho rằng vợ chồng không có gì để phải ly hôn. Vì vậy anh B không đồng ý ly hôn, anh B đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013. Nếu phải ly hôn anh B tôn trọng quyết định của cháu Uyên, cháu ở với ai người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi dưỡng quyết định.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh B. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Vũ Văn B, về con chung chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị L không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Vũ Văn B.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn B, anh B có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Th B, xã M T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn B đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Vũ Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh B.

[2].Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th T (nay là xã M T), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/7/2012 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh B ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xảy ra va chạm. Quá trình giải quyết vụ án anh B thừa nhận bản thân có ham chơi cờ bạc nhưng hiện nay đã tu chí làm ăn nên anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành hòa giải, song anh B không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh B. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh B đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

chung. Quá trình giải quyết vụ án anh B đều có ý kiến tôn trọng quyết định của cháu Phương Uyên, cháu muốn ở với ai người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 22/8/2022 cháu Vũ Thị Ph U trình bày, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Vũ Thị Ph U lâu nay đang ở ổn định với chị L, chị L làm công nhân công việc và thu nhập ổn định. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Vũ Thị Ph U cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Việc nuôi dưỡng con cái chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh chị L cho rằng thu nhập của chị đủ để trang trải cuộc sống và đảm bảo nuôi con tốt nên chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Vũ Văn B.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Ph U, sinh ngày 18/3/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh Vũ Văn B có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005840 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (chị L đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã M T;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA